

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHÚC YÊN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2017/DS - ST
Ngày 12 - 9 - 2017
“V/v tranh chấp HĐ vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚC YÊN- TỈNH VĨNH PHÚC**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Quý

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Thịnh

Ông Lê Thúc Giang

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phúc Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phúc Yên tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phúc Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 18/2017/TLST- DS ngày 01 tháng 3 năm 2017 về việc tranh chấp: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2017/QĐXXST - DS ngày 17 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2017/QĐST- DS ngày 31 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần V

Trụ sở: Tầng 1-7 tòa nhà Thủ Đô, số 72 phố T, phường Đ, quận H, thành phố N.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị H, sinh năm 1990 (Theo văn bản ủy quyền số 112/2016/UQ- CT ngày 08/01/2016 và văn bản ủy quyền số 16/2016/ UQ- GDK- TDTD ngày 10 tháng 8 năm 2016)

Địa chỉ cư trú: Số 60 đường L, phường B, thành phố V, tỉnh P.

Bà H có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Trung T, sinh năm 1955(vắng mặt).

Trú tại: Tổ 7, phường T, thị xã P, tỉnh V

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 12 năm 2016 của nguyên đơn và những lời khai tiếp theo người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần V là bà Lê Thị H trình bày:

Ngày 06 tháng 8 năm 2014, ông Nguyễn Trung T có ký Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng thương mại Cổ phần V để vay số tiền 30.000.000đ, mục đích vay để tiêu dùng cá nhân. Ngày 06 tháng 8 năm 2014, V đã đồng ý và cho ông T vay tổng số tiền 30.000.000đ. Theo thỏa thuận giữa V và ông Nguyễn Trung T thì lãi xuất khoản vay trên là 35%/năm, tức 2.92% tháng. Phương thức trả nợ: Trả chậm trong vòng 12 tháng. Tổng số tiền ông T phải thông toán cho Ngân hàng trong vòng 12 tháng gồm cả gốc và lãi là 36.307.000 đồng. Cụ thể trong 11 tháng đầu mỗi tháng ông T phải trả cho Ngân hàng số tiền là 2.999.000đồng, tháng cuối cùng trả 3.318.000 đồng. Kỳ thanh toán là vào ngày 01 hàng tháng, bắt đầu từ 01/10/2014. Sau khi ký hợp đồng T dụng ông T đã nhận đủ số tiền vay là 30.000.000đ. Khi đến kỳ hạn trả nợ ông T đã trả cho Ngân hàng V được 07 lần với tổng số tiền là 23.967.000 đồng trong đó bao gồm trả nợ gốc là 18.930.800 đồng, tiền nợ lãi 5.036.200 đồng. Kể từ ngày 21/12/2015 ông T đã không toán thêm bất cứ khoản nào mặc dù Ngân hàng V đã nhắc nhở nhiều lần. Việc chậm không toán tiền nợ của ông T ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng V, vì vậy Ngân hàng V làm đơn khởi kiện ông T tại Tòa án nhân dân thị xã Phúc Yên để yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T phải hoàn trả Ngân hàng V toàn bộ số tiền nợ tính đến ngày 11/9/2017 là 13.170.190 đồng. Trong đó nợ gốc là 11.069.200 đồng và nợ lãi là 2.100.990 đồng

Trong quá trình làm việc ông Nguyễn Trung T không đến Tòa án để làm việc, tại biên bản lấy lời khai ông Nguyễn Trung T trình bày: Ông xác nhận ngày 06/8/2014 ông có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP V để vay số tiền là 30.000.000 đồng. Mục đích vay là để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận giữa các bên thì lãi suất vay là 2,92%/tháng. Phương thức trả nợ: Trả chậm trong vòng 24 tháng, tổng số tiền ông phải thông toán cho Ngân hàng V trong vòng 12 tháng gồm cả gốc và lãi là 36.307.000đồng. Cụ thể trong 11 tháng đầu, mỗi tháng ông phải trả cho Ngân hàng V số tiền là 2.999.000 đồng, tháng cuối cùng trả 3.318.000 đồng. Kỳ thanh toán là vào ngày 01 hàng tháng, bắt đầu từ 01/10/2014. Sau khi ký hợp đồng T dụng ông đã nhận đủ số tiền vay là 30.000.000đ. Khi đến kỳ hạn trả nợ ông đã trả cho Ngân hàng V được 07 lần với tổng số tiền là 23.967.000 đồng. Kể từ ngày 21/12/2015 ông đã không thanh toán thêm bất cứ khoản nào cho Ngân hàng V. Ngân hàng V khởi kiện, ông xác nhận vẫn còn nợ Ngân hàng V số tiền là 12.340.000 đồng, trong đó nợ gốc là 11.069.200 đồng và nợ lãi là 1.270.800 đồng. Ông có đề nghị đến ngày cuối cùng của tháng 7 tức ngày 30/7/2017 sẽ thanh toán toàn bộ số tiền còn lại cho Ngân hàng V. Nhưng đến nay ông vẫn chưa thanh toán được bất kỳ khoản tiền nào.

Tại phiên đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa xét xử đã thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên trong quá trình tố tụng còn có vi phạm. Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phúc Yên sẽ có tổng hợp kiến nghị bằng văn bản riêng.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn đã không thực hiện đúng quy định, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án vi phạm khoản 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phúc Yên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91, khoản 4 Điều 95 Luật các tổ chức T dụng; các Điều 463, 466, 468, và 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 xử: Buộc ông Nguyễn Trung T có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng toàn bộ khoản nợ Th đến ngày 08/12/2016 là 12.340.000 đồng (trong đó nợ gốc là 11.069.200 đồng, nợ lãi là 1.270.800 đồng) và tiền lãi chậm trả số tiền gốc 11.069.200 đồng theo quy định cho Ngân hàng V.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án ông Nguyễn Trung T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Ngân hàng Thương mại Cổ phần V là Doanh nghiệp hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được thực hiện các hoạt động trung gian tiền tệ (Kinh doanh Ngân hàng, kinh doanh ngoại tệ ...) theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Ngày 06 tháng 8 năm 2014 giữa Ngân hàng V- Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh với ông Nguyễn Trung T có địa chỉ tại Tổ 7, phường Trung Trắc, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc đã ký kết Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kèm Hợp đồng tín dụng số: 20140821-120002-0007 về việc V cho ông T vay số tiền 30.000.000đ với mục đích tiêu dùng. Do ông T vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận đã ký kết ngày 06/8/2014 được quy định tại khoản 3.2 Điều 3 trong Điều khoản điều kiện dành cho khách hàng vay tiêu dùng cá nhân, mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ. Vì vậy quan hệ pháp luật trong vụ án này là tranh chấp Hợp đồng vay tài sản trong lĩnh vực tín dụng và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phúc Yên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử: Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Kiểm sát viên và Thư ký phiên tòa thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn nghiêm chỉnh chấp hành theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng, văn bản, quyết định của Tòa án cho ông T nhưng ông T đều không có mặt. Vì vậy Tòa án thị xã Phúc Yên tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản: Các đương sự đều xác nhận ngày 06/8/2014 ông Nguyễn Trung T có ký hợp đồng mở thẻ tín dụng với Ngân hàng TMCP V để vay số tiền là 30.000.000 đồng. Mục đích vay là để tiêu dùng cá nhân, theo thỏa thuận giữa các bên thì lãi suất vay là 2,92%/tháng, thời hạn vay là 12 tháng. Tổng số tiền ông T phải thanh toán cho Ngân hàng trong vòng 12 tháng gồm cả gốc và lãi là 36.307.000 đồng, trong 11 tháng đầu mỗi tháng ông T phải trả cho Ngân hàng số tiền là 2.999.000 đồng, tháng cuối cùng trả 3.318.000 đồng. Kỳ thanh toán là vào ngày 01 hàng tháng, bắt đầu từ 01/10/2014. Sau khi ký hợp đồng T dụng ông T đã nhận đủ số tiền vay là 30.000.000đ. Khi đến kỳ hạn trả nợ ông đã trả cho Ngân hàng được 07 lần với tổng số tiền là 23.967.000 đồng. Kể từ ngày 21/12/2015 ông T đã vi phạm hợp đồng và ông không thông toán thêm bất cứ khoản nào cho Ngân hàng. Nay ông T xác nhận Th đến ngày 08/12/2016 ông T còn nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần V tổng số tiền là 12.340.000 đồng, trong đó nợ gốc là 11.069.200 đồng và nợ lãi là 1.270.800 đồng. Ngoài ra đại diện V còn đề nghị buộc ông T phải thanh toán cho Ngân hàng V số tiền chậm thanh toán của số tiền nợ gốc còn lại là 11.069.200đồng. Số tiền lãi tính từ ngày khởi kiện 08/12/2016 đến ngày 11/9/2017 là $11.069.200 \times 0,75\% \times 9 \text{ tháng } 3 \text{ ngày} = 830.190 \text{ đồng}$.

Quá trình giải quyết Tòa án đã nhiều lần tiến hành báo gọi ông T ra để làm việc tại biên bản lấy lời khai ông xác nhận số tiền còn nợ như Ngân hàng V khởi kiện và ông cam kết đến hết ngày 30/7/2017 ông sẽ thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ cho Ngân hàng V bao gồm cả gốc và lãi. Nhưng ông T đã không thanh toán như đã trình bày. Như vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải có trách nhiệm trả nợ cho V tổng số tiền gốc và lãi cộng với số tiền chậm thanh toán trên số tiền nợ gốc.

Về án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Trung T phải nộp theo quy định của pháp luật. Hoàn trả lại Ngân hàng V số tiền tạm ứng đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91, khoản 4 Điều 95 Luật các tổ chức T dụng; các Điều 463, 466, 468, và 357 của Bộ luật dân sự năm 2015;

khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử;

[1] Buộc ông Nguyễn Trung T có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần V tổng số tiền 13.170.190 đồng (Mười ba triệu một trăm bảy mươi nghìn, một trăm chín mươi đồng) trong đó nợ gốc là 11.069.200 đồng, nợ lãi 2.100.990 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng Thương mại cổ phần V có đơn yêu cầu thi hành án mà ông Nguyễn Trung T chưa thanh toán số tiền trên thì hàng tháng ông T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2005.

[2] Về án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Trung T phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm 650.000 đồng (sáu trăm năm mươi nghìn đồng). Ngân hàng Thương mại cổ phần V được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 308.500 đồng theo biên lai số AA/2014/0003495 ngày 27 tháng 2 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phúc Yên.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát thị xã Phúc Yên;
- Chi cục THADS thị xã Phúc Yên
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hồng Quý

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Thịnh Nguyễn Thị Kim Luyện

Lưu Thị Thuý

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát thị xã Phúc Yên;
- Thi hành án thị xã Phúc Yên;
- \ - UBND P.Xuân Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Thị Thúy

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát thị xã Phúc Yên;
- Thi hành án thị xã Phúc Yên;
- \ - UBND P.Xuân Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Lưu Thị Thúy

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đường Ngọc Đại Nguyễn Thị Kim Luyện

Lưu Thị Thúy

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát thị xã Phúc Yên;
- Thị hành án thị xã Phúc Yên;
- \ - UBND P.Xuân Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lưu Thị Thúy

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đường Ngọc Đại Nguyễn Thị Kim Luyện

Lưu Thị Thúy

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát thị xã Phúc Yên;
- Thị hành án thị xã Phúc Yên;
- \ - UBND P.Xuân Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lưu Thị Thúy

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHÚC YÊN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2016/HNGĐ- ST
Ngày 08 tháng 01 năm 2016
“V/v trông chấp Hôn nhân gia đình”

**NHÂN DẪNG
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚC YÊN- TỈNH VĨNH PHÚC**

Với Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Thịnh và ông Lê Thúc Giang.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Đình Hiệp, Cán bộ Tòa án nhân dân thị xã Phúc Yên.

Đại diện Viện kiểm sát thị xã Phúc Yên tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu Huyền, Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2016 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phúc Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 156/2015/TLST –HNGĐ, ngày 07 tháng 10 năm 2015 về việc “trông chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2015/QĐST - HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2015 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2015/QĐST-HNGĐ ngày 25/12/2015 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đỗ Ngọc Hùng, sinh năm 1977, có mặt.

Bị đơn: Chị Lê Thị Thu Hằng, sinh năm 1978, vắng mặt.

Đều trú tại: Số nhà 201, tổ 3, P.Xuân Hòa, thị xã Phúc Yên, Vĩnh Phúc.

NHẬN THẤY:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 01 tháng 10 năm 2015, bản tự khai và quá trình làm việc cũng như tại phiên tòa nguyên đơn là ông Đỗ Ngọc Hùng trình bày: Ông kết hôn với chị Lê Thị Thu Hằng ngày 15 tháng 3 năm 2006, trên cơ sở hoàn Ttự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Xuân Hòa, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi kết hôn chị Hằng về nhà ông làm dâu ngay và ở chung cùng với bố mẹ ông tại tổ 3, phường Xuân Hòa, thị xã Phúc Yên, tỉnh

Vĩnh Phúc. Thời gian đầu vợ chồng sống hoà thuận hạnh phúc, đến cuối năm 2013 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và thường xuyên xảy ra cãi vã, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không thông cảm và hiểu nhau. Ông và chị Hằng sống ly thân từ đầu năm 2014 cho đến nay, mặc dù vẫn sống cùng nhà nhưng không ai quan tâm đến ai, không còn quan hệ tình cảm vợ chồng nữa. Năm 2014 vì vợ chồng không còn tình cảm, nên ông đã làm đơn xin ly hôn chị Hằng, nhưng lúc đó cháu Doông còn nhỏ gia đình dàn xếp khuyên can ông không gửi đơn ra Tòa án nữa. Nhưng từ đó cho đến nay ông và chị Hằng dù sống cùng nhà, nhưng vẫn không thể tìm được tiếng nói chung, sống như hai người dung ai thích làm gì thì làm. Nay ông xác định không thể tiếp tục chung sống như thế này được nữa, tình cảm vợ chồng giữa ông và chị Hằng không còn, nên đề nghị cho ông ly hôn ông chị Hằng.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên là Đỗ Ngọc Không, sinh ngày 30/01/2007 và Đỗ Ngọc Doông, sinh ngày 19/3/2014. Ly hôn ông đề nghị cho ông được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Không và chị Hằng trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Doông. Ông và chị Hằng không ai phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Hiện ông đang công tác tại Trường cao đẳng nghề Việt Xô thu nhập 04 triệu đồng/1 tháng.

Về tài sản chung, về tài sản riêng, các khoản vay nợ, cho vay và công sức đóng góp làm đâu: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí Hôn nhân gia đình: Ông xin tự nguyện nộp cả 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Tại tự khai ngày 14 tháng 10 năm 2015, biên bản hoà giải bị đơn là chị Lê Thị Thu Hằng trình bày: Chị xác nhận thời gian kết hôn, quá trình chị về chung sống cùng với gia đình ông Hùng và việc vợ chồng có mâu thuẫn là đúng. Nhưng nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ phía ông Hùng, do ông Hùng có tình cảm với người phụ nữ khác từ tháng 12 năm 2013 lúc đó chị đang mang thai cháu Doông. Khi phát hiện ông Hùng có quan hệ với người khác, chị có nói chuyện với ông Hùng, nhưng ông Hùng nói không còn tình cảm với chị nữa, chị thực sự rất buồn. Chị và ông Hùng đã sống ly thân nhau từ đầu năm 2014 đến nay, tuy ở chung nhà nhưng việc ai người đó làm, không còn quan hệ tình cảm vợ chồng nữa. Tháng 4 năm 2014 khi cháu Doông chưa được 01 tuổi, ông Hùng có viết đơn xin ly hôn chị, nhưng gia đình nhà ông Hùng không đồng ý nên ông Hùng không gửi đơn ra Tòa án. Nay ông Hùng lại xin ly hôn, chị không nhất trí, vì nguyên nhân mâu thuẫn là từ phía ông Hùng, chị không muốn ly hôn vì cháu Không và Doông còn nhỏ cần sự quan tâm dạy dỗ của cả bố và mẹ.

Về con chung: Chị xác nhận vợ chồng có hai con chung như ông Hùng trình bày, nếu Tòa án giải quyết chấp nhận đơn xin ly hôn của ông Hùng chị có quan điểm đề nghị cho chị được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Doông và ông Hùng trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Không. Chị và ông Hùng không

ai phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau, hiện chị đang làm giáo viên thu nhập hơn 05 triệu đồng / 1 tháng.

Về tài sản chung, về tài sản riêng, các khoản vay và cho vay: Chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 199 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần hai nhưng chị Lê Thị Thu Hằng vắng mặt không có lý do. Vì vậy Hội đồng xét xử vắng mặt chị.

Xét đơn yêu cầu xin ly hôn của ông Đỗ Ngọc Hùng với chị Lê Thị Thu Hằng Hội đồng xét xử thấy: Ông Hùng và chị Hằng kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký hôn năm 2006 tại Ủy ban nhân dân phường Xuân Hòa, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Nhưng vợ chồng ông chị sống hạnh phúc thời gian đầu đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Ông Hùng và chị Hằng đều xác nhận đã sống ly thân nhau từ đầu năm 2014 đến nay, mặc dù ông chị vẫn chung sống cùng nhà nhưng không ai quan tâm đến ai, không có tiếng nói chung và không còn quan hệ tình cảm vợ chồng nữa. Năm 2014 ông Hùng có làm đơn xin ly hôn chị Hằng, nhưng do gia đình ông Hùng khuyên can và cháu Doông còn nhỏ nên ông Hùng không gửi đơn ra Tòa, nay chị Hằng không nhất trí ly hôn vì thương hai con còn nhỏ. Như vậy ông Hùng và chị Hằng đã mâu thuẫn từ năm 2013, ly thân từ đầu năm 2014 cho đến nay, trong suốt thời gian như vậy mà ông chị vẫn không thể hàn gắn được chuyện tình cảm vợ chồng, sống cùng một mái nhà mà hai ông chị vẫn không có tiếng nói chung.

Qua xác minh tại địa phương cho biết: Việc ông Hùng và chị Hằng mâu thuẫn cụ thể như thế nào, có sống được với nhau hay không tự hai ông chị biết và quyết định, địa phương không can thiệp vào chuyện tình cảm của ông chị. Tại biên bản lấy lời khai của bố ông Hùng người trực tiếp sống với ông Hùng và chị Hằng cho biết: ông Hùng và chị Hằng có mâu thuẫn, sống với nhau mà không có tiếng nói chung từ năm 2014. Năm 2014 ông Hùng đã làm đơn xin ly hôn chị Hằng, gia đình khuyên ngăn, đến nay hai ông chị vẫn không thể hàn gắn được tình cảm nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Từ đó cho thấy tình cảm vợ chồng giữa ông Hùng và chị Hằng đã không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Tại phiên tòa, ông Hùng vẫn đề nghị giải quyết cho ly hôn chị Hằng, chị Hằng Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai chị vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử thấy đề nghị của ông Hùng xin ly hôn chị Hằng là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Đỗ Ngọc Không, sinh ngày 30/01/2007 và Đỗ Ngọc Doông, sinh ngày 19/3/2014. Tại phiên tòa ông

Hùng đề nghị ly hôn cho ông được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Không và chị Hằng trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Doông. Ông và chị Hằng không ai phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau, cháu Không cũng có nguyện vọng xin ở cùng ông Hùng. Tại biên bản hòa giải chị Hằng cũng có quan điểm như trên. Xét việc giao con cho ai nuôi cần xem xét để đảm bảo sự phát triển và quyền lợi về mọi mặt của đứa trẻ, nên ly hôn cần chấp nhận quan điểm trên của ông Hùng là phù hợp.

Về tài sản chung, về tài sản riêng, các khoản vay, cho vay và công sức đóng góp làm dâu: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí sơ thẩm: Ông Đỗ Ngọc Hùng phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 57 và Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 131 Bộ luật tố tụng dân sự. Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án ngày 27 tháng 02 năm 2009.

1. Cho ông Đỗ Ngọc Hùng được ly hôn chị Lê Thị Thu Hằng.

2. Về con chung: Giao cho ông Đỗ Ngọc Hùng trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc giáo dục cháu Đỗ Ngọc Không, sinh ngày 30/01/2007, giao cho chị Lê Thị Thu Hằng trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Đỗ Ngọc Doông, sinh ngày 19/3/2014. Ông Hùng và chị Hằng không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau, không bên nào được ngăn cản quyền thăm hỏi con chung sau ly hôn.

3. Về tài sản riêng, các khoản vay nợ, cho vay và công sức đóng góp làm dâu: Các đương sự chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Đỗ Ngọc Hùng phải nộp 200.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2012/01226 ngày 07 tháng 10 năm 2015 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phúc Yên; Ông Hùng đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát thị xã Phúc Yên;
- Các đương sự;
- UBND phường Xuân Hòa;
- Thi hành án thị xã Phúc Yên;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lưu Thị Thúy

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thúc Giang Nguyễn Xuân Thịnh

Lưu Thị Thúy

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát thị xã Phúc Yên;
- Các đương sự;
- UBND phường Xuân Hòa;
- Thị hành án thị xã Phúc Yên;
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Lưu Thị Thúy

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thúc Giang Nguyễn Xuân Thịnh

Lưu Thị Thuý

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát thị xã Phúc Yên;
- Các đương sự;
- Thi hành án thị xã Phúc Yên;
- Lưu HS, VP.

Lưu Thị Thuý

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Thịnh

Đường Ngọc Đại

Lưu Thị Thúy

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát thị xã Phúc Yên;
- Các đương sự;
- Thi hành án thị xã Phúc Yên;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lưu Thị Thúy

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Thịnh

Đường Ngọc Đại

Lưu Thị Thúy

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát thị xã Phúc Yên;
- Các đương sự;
- Thi hành án thị xã Phúc Yên;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lưu Thị Thúy

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 90, Điều 92, Điều 94 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 131—Bộ luật tố tụng dân sự và Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009:

* Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Tiêu Thị Xuân và ông D-ông Văn Chung.

Xử:

* Về con chung: Giao cho chị Tiêu Thị Xuân trực tiếp nuôi dưỡng cháu D-ông Quỳnh ằng, sinh ngày 15/8/2008; giao cho ông D-ông Văn Chung trực tiếp nuôi dưỡng cháu D-ông Ngọc ằng, sinh ngày 14/12/2006. Chị Xuân và ông Chung không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau. Không ai được cản trở quyền thăm nom con chung của chị Xuân và ông Chung.

* Về tài sản, đất cùng tác và công nợ chung: không có và ông sự không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xét.

* Về công sức làm dâu: ằng D-ông Văn Chung và gia đình ông không phải bồi thường công sức cho chị Xuân trong thời gian chị ở chung cùng gia đình ông.

* Về án phí: Chị Tiêu Thị Xuân phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 200.000đ, nh-ng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 200.000đ theo biên lai thu tiền số: N.002077 ngày 04 tháng 10 năm 2010 của Chi cục thi hành dân sự thị xã Phúc Yên; chị Xuân đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Các ông sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhân:

THỘM

- VKS TX Phúc Yên;

TOÀ

- Chi cục thi hành án TX Phúc Yên;

- Các ông sự;

- L- u.

TM/ HỌI ĐỒNG XÉT XỬ S

THỘM PH- CH TO PH- N

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHÚC YÊN
THỊNH VINH PHÚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ĐỊNH

Về vụ án “Trưng chấp hôn nhân gia đình” thụ lý số: 67/2010/TLST —HNGĐ
ngày 04/10/2010

1. Nguyên đơn: Chị Tiêu Thị Xuân, sinh năm 1986

C- trú: Thôn Gốc Duối- xã Ngọc Thung- thị xã Phúc Yên- Vĩnh Phúc

2. Bị đơn: ằng D- ơng Văn Chung, sinh năm 1983

C- trú: Thôn Cao Quang-xã Cao Minh- thị xã Phúc Yên- Vĩnh Phúc

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vĩnh Thành.

Các hội thẩm nhân dân: - Ông Lê Thúc Giang.

- Ông D- ơng Đức Điều.

Ngày 14 tháng 12 năm 2010, tại phòng nghị án Tòa án nhân dân thị xã Phúc Yên, chúng tôi cùng nhau thảo luận và đi đến thống nhất nh- sau:

1. Về áp dụng điều luật: Áp dụng khoản 1 Điều 89, Điều 92, Điều 94 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 131—Bộ luật tố tụng dân sự và Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

Kết quả biểu quyết nhất trí: 3/3.

2. Về đ- ờng lối xét xử:

* Về hôn nhân: Cho chị Tiêu Thị Xuân đ- ợc ly hôn ụng D- ơng Văn Chung.

* Về con chung: Giao cho chị Tiêu Thị Xuân đ- ợc trực tiếp nuôi d- ỡng cháu D- ơng Quỳnh ằng, sinh ngày 15/8/2008; giao cho ụng D- ơng Văn Chung đ- ợc trực tiếp nuôi d- ỡng cháu D- ơng Ngọc ằng, sinh ngày 14/12/2006. Chị Xuân và ụng Chung không phải cấp d- ỡng tiền nuôi con cho nhau. Không ai đ- ợc cản trở quyền thăm nom con chung của chị Xuân và ụng Chung.

* Về tài sản, đất cụng tác và công nợ chung: không có và đ- ơng sự không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xét.

* Về công sức làm dâu: ằng D- ơng Văn Chung và gia đình ụng không phải bồi th- ờng công sức cho chị Xuân trong thời gian chị chung ở cùng gia đình ụng.

Kết quả biểu quyết nhất trí: 3/3.

3. Về các vấn đề khác:

- Chị Tiêu Thị Xuân phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 200.000đ, nh-ng đ- ọc trừ vào số tiền tạm ứng án phí án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 200.000đ theo biên lai thu tiền số: N.002077 ngày 04 tháng 10 năm 2010 của Chi cục thi hành dân sự thị xã Phúc Yên; chị Xuân đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

- Các đ- ơng sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Kết quả biểu quyết nhất trí: 3/3.

Biên bản đ- ọc lập xong và đ- ọc thông qua cho mọi ng- ời cùng nghe nhất trí và ký tên d- ới đây.

CÁC HỌI THỘM NHÂN DÂN
TOÀ

THỘM PHẠM-CHÁ TOÁ PHI